

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Mỹ T, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Cao Hoàng K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C (vắng mặt).

Địa chỉ: Số abc, phố L, phường H, Quận H, H.

Ông Võ Minh T (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị N (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Bà Lý Tuyết Tr (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân, bà và ông Cao Hoàng K chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C được chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2010. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây giữa bà và ông Khải thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông Cao Hoàng K.

Về con chung có 02 người tên là Cao Vũ D (giới tính nam) sinh ngày 01/3/2012, Cao Mỹ N (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2017. Hiện Cao Vũ D đang do ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng, Cao Mỹ N đang do bà Võ Mỹ T nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục giao Cao Vũ D cho ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Cao Mỹ N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, có nợ Ngân hàng C phòng giao dịch huyện P số tiền 12.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000 đồng (nợ sửa nhà). Đối với hai khoản nợ này bà giao cho ông Cao Hoàng K chịu trách nhiệm trả vì bà đã giao nhà và tài sản cho ông K quản lý, sử dụng. Nợ ông Võ Minh T số tiền 4.000.000 đồng (nợ tiền chuộc xe của ông K); nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000 đồng; nợ bà Lý Tuyết Tr (tiền cầm vàng) 10.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ này, bà có nghĩa vụ trả cho ông Võ Minh T 2.000.000 đồng, trả cho bà T 2.000.000 đồng và trả cho bà Lý Tuyết Tr 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T xác định số tiền cầm đồ cho bà Lý Tuyết Tr bà không có yêu cầu xem xét.

Bị đơn là ông Cao Hoàng K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị N, ông Võ Minh T bà Nguyễn Thị T, bà Lý Tuyết Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Mỹ T cho bà Võ Mỹ T ly hôn với ông Cao Hoàng K. Giao con chung Cao Mỹ N (giới tính nữ), sinh ngày 30/10/2017 cho bà Võ Mỹ T nuôi dưỡng, giao Cao Vũ D (giới tính nam), sinh ngày 01/3/2012, cho ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng, bà Võ Mỹ T và ông Cao Hoàng K không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đồng thời buộc bà Võ Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Võ Mỹ T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Cao Hoàng K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Cao Hoàng K là bị đơn, Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị N, ông Võ Minh T bà Nguyễn Thị T, bà Lý Tuyết Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Võ Mỹ T và ông Cao Hoàng K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2010. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Võ Mỹ T và ông Cao Hoàng K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Võ Mỹ T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Cao Hoàng K không còn sống chung với nhau từ ngày 22/02/2021 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Võ Mỹ T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Cao Hoàng K. Ông Cao Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Cao Hoàng K không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Mỹ T và ông Cao Hoàng K đã và đang trầm trọng, bà Võ Mỹ T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Võ Mỹ T yêu cầu ly hôn với ông Cao Hoàng K là có căn cứ chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Có 02 người tên là Cao Vũ D (giới tính nam) sinh ngày 01/3/2012, Cao Mỹ N (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2017. Hiện Cao Vũ D đang do ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng, Cao Mỹ N đang do bà Võ Mỹ T nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục giao Cao Vũ D cho ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Cao

Mỹ N, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, hiện Cao Vũ D đang do ông Cao Hoàng K trực tiếp nuôi dưỡng, Cao Vũ D có nguyện vọng muốn sống chung với ông Cao Hoàng K nên tiếp tục giao con chung cho ông Cao Hoàng K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện Cao Mỹ N đang do bà Võ Mỹ T nuôi dưỡng, bà Thuận yêu cầu được tiếp tục nuôi xét thấy là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận. Việc yêu cầu giao con và nuôi con bà Thuận không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà Võ Mỹ T yêu cầu tự thỏa thuận đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Bà Thuận xác định có nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện P số tiền 12.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 9.000.000 đồng (nợ sửa nhà). Đối với hai khoản nợ này bà giao cho ông Cao Hoàng K chịu trách nhiệm trả vì bà đã giao nhà và tài sản cho ông K quản lý, sử dụng. Nợ ông Võ Minh T số tiền 4.000.000 đồng (nợ tiền chuộc xe của ông K); nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000 đồng; nợ bà Lý Tuyết Tr (tiền cầm vàng) 10.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ này, bà có nghĩa vụ trả cho ông Võ Minh T 2.000.000 đồng, trả cho bà T 2.000.000 đồng và trả cho bà Lý Tuyết Tr 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khởi kiện nên nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[6]. Từ nhận định trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Võ Mỹ T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Mỹ T ly hôn với ông Cao Hoàng K.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Mỹ T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Cao Mỹ N (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2017. Giao cho ông Cao Hoàng K chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Cao Vũ D (giới tính nam) sinh ngày 01/3/2012 cho đến khi Cao Vũ D và Cao Mỹ N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Bà Võ Mỹ T, ông Cao Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Võ Mỹ T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012445, ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- UBND xã P, P, C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước